

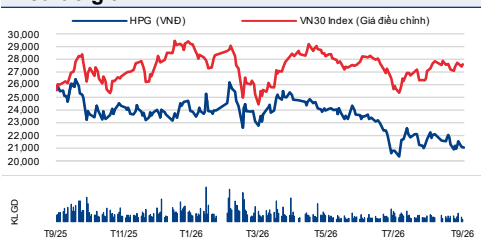
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ37,300
Tiềm năng tăng/giảm: 77.2%

Giá cổ phiếu (đồng) (23/9/2026)	21,050
Mã Bloomberg	HPG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	20,350-26,425
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	21,100
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	177,725
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	6,833
Slg CP lưu hành (tr.đv)	8,443
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	4,137
Slg CP NN được mua (tr.đv)	2,102
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	24.1%
Tỷ lệ freefloat	54.8%
Cổ đông lớn	Trần Đình Long (25.8%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	156,116	214,333	259,136
EBITDA đc (tỷ đồng)	28,896	41,270	50,881
LNTT (tỷ đồng)	18,041	30,117	33,033
LNT ĐC (tỷ đồng)	14,678	25,654	29,063
FCF (tỷ đồng)	(10,056)	5,702	13,038
EPS ĐC (đồng)	1,738	3,038	3,442
DPS (đồng)	500	500	500
BVPS (đồng)	15,300	18,801	21,752
T.trưởng EBITDA (%)	34.1	42.8	23.3
T.trưởng EPS ĐC (%)	(2.64)	74.8	13.3
Tăng trưởng DPS (%)	nm	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	18.5	19.3	19.6
Tỷ suất LNTT (%)	11.6	14.1	12.7
Tỷ suất LNT ĐC (%)	9.90	12.6	11.8
Tỷ lệ LN trả CT (%)	27.3	15.6	13.8
Nợ thuần/VCSH (%)	65.6	39.2	26.8
ROAE (%)	12.7	18.8	17.9
ROACE (%)	13.1	16.5	17.9
EV/doanh thu (lần)	1.56	1.02	0.76
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.45	5.32	3.87
P/E ĐC (lần)	12.1	6.93	6.12
P/B (lần)	1.38	1.12	0.97
Lợi suất cổ tức (%)	2.38	2.38	2.38

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Hòa Phát là Tập đoàn sản xuất công nghiệp hàng đầu Việt Nam với bốn mảng kinh doanh chính bao gồm: Thép xây dựng, Ống thép & Tôn, Bất động sản & Khu công nghiệp và Nông nghiệp.

Chuyên viên phân tích

Chế Thị Mai Trang

Giám đốc, Ngành C.Nghiệp & Công Nghệ
trang.ctmai@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Trì hoãn triển khai dự án Khu liên hợp Gang thép Phú Yên

- HPG vừa kiến nghị UBND tỉnh Đắk Lắk cho phép tạm dừng triển khai dự án Khu liên hợp Gang thép Hòa Phát Phú Yên (dự án trước đó từng được kỳ vọng sẽ đi vào vận hành thương mại từ năm 2029).
- HSC đánh giá quyết định này là hợp lý, xét trong bối cảnh cân đối cung - cầu trung hạn của ngành thép và áp lực cạnh tranh tiềm ẩn có thể gia tăng.
- Đồng thời, việc tạm hoãn dự án Phú Yên giúp công ty bảo toàn nguồn vốn để tập trung đầu tư vào các sản phẩm hạ nguồn mới, mảng bất động sản và điện gió, những lĩnh vực sẽ tạo ra động lực tăng trưởng mới trong dài hạn. Dù có sự trì hoãn này, các dự án thép đang được triển khai của HPG vẫn đảm bảo duy trì đà tăng trưởng lợi nhuận vững chắc cho công ty trong trung và dài hạn.

Sự kiện: Trì hoãn triển khai Khu liên hợp Gang thép Phú Yên

HPG gần đây kiến nghị UBND tỉnh Đắk Lắk cho phép tạm dừng triển khai dự án Khu liên hợp Gang thép Hòa Phát Phú Yên. Dự án này được thiết kế với công suất 6 triệu tấn/năm và từng được kỳ vọng sẽ đi vào vận hành thương mại từ năm 2029. HSC đánh giá động thái này có tính chất tạm hoãn tiến độ hơn là hủy bỏ hoàn toàn dự án. Dự án nhiều khả năng sẽ được cân nhắc tái khởi động vào giai đoạn sau và chỉ vận hành thương mại sau năm 2030, thời điểm nhu cầu thép trong nước được kỳ vọng đã tích lũy đủ lớn để hấp thụ hiệu quả nguồn cung bổ sung quy mô lớn này.

Đánh giá mức độ cạnh tranh từ Khu liên hợp Gang thép VinMetal

Mặc dù VinMetal giai đoạn 1 theo kế hoạch chính thức dự kiến đi vào vận hành từ Q1/2031, chúng tôi cho rằng tiến độ có thể được đẩy nhanh lên năm 2029. Giai đoạn 1 có tổng công suất 5 triệu tấn/năm, bao gồm 3 triệu tấn HRC và khoảng 2 triệu tấn thép xây dựng. Xưởng cán thép xây dựng của tổ hợp này có thể đi vào vận hành sớm hơn, từ năm 2027, bước đầu phục vụ cho các dự án nội bộ của Vingroup. Do trong quá khứ HPG chỉ đóng góp tỷ trọng khiêm tốn vào nhu cầu VLXD của Vingroup, chúng tôi cho rằng việc dự án này đi vào vận hành sẽ không gây ra tác động trực tiếp đáng kể lên sản lượng tiêu thụ của công ty.

Công suất đủ đáp ứng nhu cầu đến hết năm 2029

HSC dự báo nhu cầu thép xây dựng và HRC của Việt Nam sẽ tăng lần lượt khoảng 3,7 triệu tấn và 2,7 triệu tấn vào năm 2029 (Bảng 1).

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Nhu cầu thép tại Việt Nam

Chúng tôi dự báo nhu cầu thép đạt 39,4 triệu tấn trong năm 2029

Triệu tấn	2024	2025	2026F	2027F	2028F	2029F	2030F
Thép xây dựng	11.9	13.3	15.3	16.9	17.8	19.0	20.3
Tăng trưởng		11.6%	14.7%	10.8%	5.3%	6.7%	6.7%
HRC	16.2	16.5	17.6	18.5	19.4	20.4	21.4
Tăng trưởng		1.6%	6.8%	5.0%	5.0%	5.0%	5.0%
Tổng	28.1	29.8	32.9	35.4	37.2	39.4	41.6
Tăng trưởng		5.9%	10.3%	7.7%	5.1%	5.8%	5.8%

Nguồn: HSC

Trong khi đó, HPG dự kiến sẽ bổ sung thêm khoảng 2,2 triệu tấn công suất thép xây dựng và 1 triệu tấn công suất HRC vào năm 2027 thông qua các đợt nâng cấp công suất tại Dung Quất, Hải Dương và nhà máy lò điện hồ quang Tây Ninh (Bảng 3). Khi tính thêm sự tham gia của VinMetal, tổng công suất bổ sung có thể lên đến 4,2 triệu tấn đối với thép xây dựng và 4 triệu tấn đối với HRC, vượt xa mức tăng nhu cầu dự kiến lần lượt là 0,5 triệu tấn và 1,3 triệu tấn.

Điều này cho thấy nguồn cung bổ sung mới về cơ bản là đủ để đáp ứng đà tăng trưởng của lực cầu đến năm 2029, qua đó củng cố nhận định của chúng tôi rằng quyết định tạm hoãn dự án Phú Yên là bước đi chiến lược hợp lý nhằm giảm thiểu rủi ro dư cung cho thị trường. Theo quan điểm của chúng tôi, HPG đang chủ động ưu tiên khả năng sinh lời và tỷ suất hoàn vốn hơn là mở rộng sản lượng ồ ạt, qua đó giúp duy trì kỷ luật của toàn ngành cũng như bảo vệ tỷ suất lợi nhuận.

Động lực tăng trưởng của HPG vẫn được duy trì

Dù dự án bị trì hoãn này, triển vọng lợi nhuận của HPG vẫn rất khả quan nhờ lộ trình tiếp tục mở rộng công suất, cơ cấu sản phẩm chuyển dịch mạnh sang các phân khúc có tỷ suất lợi nhuận cao hơn, kết hợp với đóng góp ngày càng lớn từ mảng bất động sản và điện gió:

- Thứ nhất, công suất thép thô dự kiến sẽ tăng thêm 3,2 triệu tấn vào năm 2027 lên 18 triệu tấn, trong khi Khu liên hợp gang thép Dung Quất 2 sẽ tiếp tục nâng cao công suất hoạt động.
- Thứ hai, HPG đang đẩy mạnh thâm nhập vào các dòng sản phẩm thép có giá trị gia tăng cao hơn, bao gồm thép làm đường ray, thép kết cấu, thép đặc biệt và các dòng thép chất lượng cao khác. Những sản phẩm này được kỳ vọng sẽ cải thiện cơ cấu sản phẩm, gia tăng giá trị thặng dư trên mỗi tấn thép và củng cố tỷ suất lợi nhuận ở mức cao hơn.
- Thứ ba, HPG đang tích cực tái phân bổ nguồn vốn sang các mảng kinh doanh mới, trọng tâm là bất động sản và điện gió, với các dự án quy mô lớn được kỳ vọng sẽ đóng góp đáng kể vào cơ cấu lợi nhuận của tập đoàn trong trung hạn.

Duy trì khuyến nghị Mua vào

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào đối với HPG, với giá mục tiêu 37.200 đồng, tiềm năng tăng giá là 77%. HPG đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 6,3 lần, thấp hơn so với bình quân 5 năm ở mức 12,8 lần, trong khi triển vọng tăng trưởng lợi nhuận vững chắc của công ty vẫn không đổi.

Bảng 2: Công suất sản xuất thép bổ sung tại Việt Nam và nhu cầu gia tăng

Công suất bổ sung sẽ cao hơn nhu cầu trong năm 2029

Triệu tấn	Công suất bổ sung của HPG	Công suất VinMetal	Tổng công suất bổ sung	Nhu cầu tăng lên đến 2029
Thép xây dựng	2.2	2.0	4.2	3.7
HRC	1.0	3.0	4.0	2.8
Tổng	3.2	5.0	8.2	6.5

Nguồn: HSC

Bảng 3: Dự án nhà máy sản xuất thép, HPG

Mở rộng công suất trong năm 2027 sẽ hỗ trợ tăng trưởng sản lượng đến năm 2029 và mở rộng sang các sản phẩm hạ nguồn nhằm cải thiện tỷ suất

Dự án	Vị trí	Thời gian đi vào vận hành	Công suất (tấn/năm)	Vốn đầu tư (tỷ đồng)
Dự án thượng nguồn			3,200,000	
Nâng công suất thép thô Dung Quất	Quảng Ngãi	2027	2,000,000	N/a
Nâng cấp Khu liên hợp Gang thép Hải Dương	Hải Dương	Cuối năm 2026 – đầu năm 2027	500,000	N/a
Thép xây dựng (lò điện hồ quang)	Tây Ninh	Cuối năm 2026 – đầu năm 2027	700,000	2,450
Dự án hạ nguồn			1,200,000	
Dự án thép ray	Quảng Ngãi	Q1/27	700,000	10,000
Thép chất lượng cao	Quảng Ngãi	Cuối năm 2026 – đầu năm 2027	500,000	2,000
Dự án đang nghiên cứu			2,000,000	
Các sản phẩm thép hạ nguồn	Quảng Ngãi	N/a	2,000,000	20,000

Nguồn: HPG, HSC

Bảng 4: Dự án điện gió ngoài khơi Sông Hậu

HPG và Chủ tịch HĐQT lần lượt sở hữu 30%/20% dự án

Giai đoạn	Công suất (MW)	Thời gian đi vào vận hành	Vốn đầu tư (nghìn tỷ đồng)
Giai đoạn 1	10,000	2028-2030	750
Giai đoạn 2	10,000	Trước năm 2035	750
Tổng	20,000		1,500

Nguồn: HPG, HSC

Bảng 5: Các dự án bất động sản gần Sông Hồng

HPG sẽ sở hữu khoảng 30% các dự án

Dự án	Nhà đầu tư	Vốn đầu tư (nghìn tỷ đồng)	Thời gian	Diện tích (ha)	Tỷ lệ nợ	Bắt đầu xây dựng
Đại lộ cảnh quan sông Hồng	Đại Quang Minh – HPG – Thaco	737.0	2026-2038	11,418	85%	Dec-25
Khu đô thị đa chức năng Linh Nam	Tập đoàn Sông Hồng Tương Lai	174.7	Q3/26-Q4/30	170	85%	Aug-26
Khu đô thị đa chức năng Thụ Lâm	Tập đoàn Sông Hồng Tương Lai	60.6	Q1/26-Q4/29	696	85%	Feb-26
Tổng cộng		972.3		12,284		

Nguồn: HPG, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	138,855	156,116	214,333	259,136	299,253
Lợi nhuận gộp	18,498	24,498	34,808	42,879	49,294
Chi phí BH&QL	(3,883)	(4,070)	(5,787)	(6,997)	(8,080)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	14,615	20,428	29,021	35,883	41,214
Lãi vay thuần	(1,348)	(2,522)	881	(3,109)	(2,603)
Lãi/nỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	426	135	214	259	299
LN TT	13,693	18,041	30,117	33,033	38,911
Chi phí thuế TNDN	(1,673)	(2,526)	(2,999)	(2,312)	(2,724)
Lợi ích cổ đông thiểu số	1.42	(64.8)	(113)	(128)	(151)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	12,021	15,450	27,004	30,592	36,036
Lợi nhuận thuần ĐC	11,420	14,678	25,654	29,063	34,234
EBITDA ĐC	21,543	28,896	41,270	50,881	54,221
EPS (đồng)	1,879	1,830	3,198	3,623	4,268
EPS ĐC (đồng)	1,488	1,738	3,038	3,442	4,055
DPS (đồng)	0	500	500	500	500
Sig CP bình quân (triệu đv)	6,396	8,443	8,443	8,443	8,443
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	6,396	8,443	8,443	8,443	8,443
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	6,396	8,443	8,443	8,443	8,443

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	6,888	8,301	28,963	43,201	60,873
Đầu tư ngắn hạn	18,975	19,484	21,433	31,096	38,903
Phải thu khách hàng	7,648	15,065	17,147	20,731	23,940
Hàng tồn kho	46,091	52,828	64,300	72,558	92,769
Các tài sản ngắn hạn khác	7,073	8,004	11,145	14,252	17,357
Tổng tài sản ngắn hạn	86,674	103,682	142,988	181,839	233,841
TSCĐ hữu hình	130,995	144,291	138,199	130,941	120,809
TSCĐ vô hình	184	187	206	227	249
Bất động sản đầu tư	560	528	478	420	353
Đầu tư dài hạn	137	2,248	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	5,940	6,985	12,233	14,776	17,053
Tổng tài sản dài hạn	137,815	154,240	151,117	146,363	138,465
Tổng cộng tài sản	224,490	257,922	294,104	328,202	372,306
Nợ ngắn hạn	55,883	64,695	66,443	69,967	80,798
Phải trả người bán	14,047	21,183	27,863	33,688	38,903
Nợ ngắn hạn khác	2,813	5,091	6,346	7,432	8,402
Tổng nợ ngắn hạn	75,225	94,209	105,100	116,464	134,313
Nợ dài hạn	27,080	27,479	23,640	21,108	16,886
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	29.3	31.0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	7,440	4,906	4,470	4,694	4,930
Tổng nợ dài hạn	34,550	32,416	28,110	25,802	21,816
Tổng nợ phải trả	109,842	126,702	133,210	142,266	156,129
Vốn chủ sở hữu	114,356	129,178	158,739	183,653	213,742
Lợi ích cổ đông thiểu số	291	2,042	2,155	2,284	2,435
Tổng vốn chủ sở hữu	114,647	131,220	160,894	185,937	216,177
Tổng nợ phải trả và VCSH	224,490	257,922	294,104	328,202	372,306
BVPS (đ)	17,879	15,300	18,801	21,752	25,316
Nợ thuần/(tiền mặt)	76,075	83,873	61,121	47,873	36,812

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	14,615	20,428	29,021	35,883	41,214
Khấu hao	(6,928)	(8,468)	(12,249)	(14,999)	(13,007)
Lãi vay thuần	(1,348)	(2,522)	881	(3,109)	(2,603)
Thuế TNDN đã nộp	(937)	(1,995)	(2,999)	(2,312)	(2,724)
Thay đổi vốn lưu động	(13,927)	(10,949)	(31,364)	(27,940)	(39,454)
Khác	(2,358)	(3,373)	(395)	(4,736)	(4,809)
LCT thuần từ HKKD	6,608	15,694	11,245	20,026	11,403
Đầu tư TS dài hạn	(35,495)	(25,750)	(5,543)	(6,988)	(2,213)
Góp vốn & đầu tư	(27,166)	(29,083)	(2,916)	(10,335)	(8,408)
Thanh lý	32,872	29,661	656	356	506
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(29,788)	(25,172)	(7,803)	(16,967)	(10,115)
Cổ tức trả cho CSH	(4,97)	(27,0)	(3,838)	(4,222)	(4,222)
Thu từ phát hành CP	233	1,707	0	0	0
Tăng/giảm nợ	17,587	9,211	21,058	15,401	20,605
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	17,815	10,891	17,220	11,179	16,384
Tiền & tương đương tiền đầu kì	12,252	6,888	8,301	28,963	43,201
LCT thuần trong kỳ	(5,365)	1,413	20,662	14,238	17,672
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.76	(0.15)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	6,888	8,301	28,963	43,201	60,873
Dòng tiền tự do	(28,887)	(10,056)	5,702	13,038	9,190

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	13.3	15.7	16.2	16.5	16.5
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	15.5	18.5	19.3	19.6	18.1
Tỷ suất LNT (%)	8.66	9.90	12.6	11.8	12.0
Thuế TNDN hiện hành (%)	12.2	14.0	9.96	7.00	7.00
Tăng trưởng doanh thu (%)	16.7	12.4	37.3	20.9	15.5
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	31.1	34.1	42.8	23.3	6.56
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	75.9	28.5	74.8	13.3	17.8
Tăng trưởng EPS (%)	59.9	(2.64)	74.8	13.3	17.8
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	75.9	16.8	74.8	13.3	17.8
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	27.3	15.6	13.8	11.7
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	11.1	12.7	18.8	17.9	18.1
ROACE (%)	11.0	13.1	16.5	17.9	18.3
Vòng quay tài sản (lần)	0.67	0.65	0.78	0.83	0.85
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.45	0.77	0.39	0.56	0.28
Số ngày tồn kho	140	147	131	122	135
Số ngày phải thu	23.2	41.8	34.9	35.0	35.0
Số ngày phải trả	42.6	58.7	56.6	56.9	56.8
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	67.2	65.6	39.2	26.8	18.0
Nợ/tài sản (%)	37.3	36.1	31.0	28.2	26.7
EBIT/lãi vay (lần)	10.8	8.10	N/a	11.5	15.8
Nợ/EBITDA (lần)	3.89	3.22	2.21	1.82	1.83
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.15	1.10	1.36	1.56	1.74
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.38	1.56	1.02	0.76	0.60
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.91	8.45	5.32	3.87	3.28
P/E (lần)	11.2	11.5	6.58	5.81	4.93
P/E ĐC (lần)	14.1	12.1	6.93	6.12	5.19
P/B (lần)	1.18	1.38	1.12	0.97	0.83
Lợi suất cổ tức (%)	0	2.38	2.38	2.38	2.38

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2026.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn